

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 174/2018/HS-ST

Ngày: 30-11-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT, TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Tuyết Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Dương Hải Long

Ông Phan Ngọc Hòa

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Thanh Luân – Thẩm tra viên Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Cao Thị Hồng Phượng.- Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 156/2018/TLST-HS ngày 15 tháng 10 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 146/2018/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 10 năm 2018 đối với các bị cáo:

Họ và tên: Phan Văn C, tên gọi khác: Không

Sinh ngày: 28/06/1965, tại Lâm Đồng.

ĐKNKTT: Đường H, phường B, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Chỗ ở: Hiện đang thi hành án tại trại giam Đ- Bộ Công an.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân Tộc: Kinh - Tôn giáo: Không

Học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Không.

Con ông: Phan Văn M, sinh năm: 1928 (đã chết)

Con bà: Trương Thị K, sinh năm: 1928 (đã chết).

Gia đình có 02 anh em, lớn nhất sinh năm 1958, nhỏ nhất là bị cáo.

Vợ: đã ly hôn

Con: Có 04 con, lớn nhất sinh năm 1991, nhỏ nhất sinh năm 2009. Tất cả cùng ngụ tại huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Tại bản án số: 06/2018/HSST ngày 11/04/2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Lâm Đồng xử phạt Phan Văn C 42 tháng tù về tội “ Lừa đảo chiếm đoạt tài sản ”. Bị cáo đang thi hành án tại trại giam Đ - Bộ Công an. Có mặt.

- *Người bị hại:* Chị Kim Thị H, sinh năm 1990, HKTT: Thôn 4, Đức Phô, Cát Tiên, Lâm Đồng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ năm 2009 đến năm 2015, Phan Văn C làm việc tại Trạm biến áp 110KV huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Trong thời gian này C có quen biết với ông Đặng Văn N, sinh năm:1963, ngụ tại: Tổ dân phố H, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lâm Đồng. Mặc dù C không có khả năng xin việc làm tại Tổng công ty điện lực Miền Nam, nhưng để có tiền tiêu xài C nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của người khác nên C tự giới thiệu với ông H là mình có khả năng xin được việc làm, nên ông N có giới thiệu cho cháu là Kim Thị H liên hệ với C để xin việc làm. Ngày 11/01/2016, chị H lên Đà Lạt gặp C tại nhà 28 Trần Nhân Tông, phường 8, thành phố Đà Lạt, tại đây C có nói với chị H chi phí xin vào làm kế toán tại Tổng công ty điện lực N là 100.000.000 đồng, chị H tin tưởng đã giao 20.000.000 đồng cho C tại nhà 28 đường T, phường G, thành phố Đ. Sau đó, C điện thoại cho chị H nói cần chi phí để đi thành phố H lo việc cho chị H nên ngày 14/01/2016, chị H tiếp tục chuyển khoản cho C số tiền 10.000.000 đồng qua tài khoản ngân hàng V của C với tài khoản 711A03475883. Các ngày tiếp theo, C nhiều lần gọi điện thoại cho chị H đề nghị gửi thêm tiền cho C để lo chi phí xin việc, chị H tiếp tục chuyển cho C ba lần nữa với tổng số tiền 8.000.000 đồng vào tài khoản của C, sau khi nhận được tài sản. C đã tiêu xài cá nhân hết. Ngày 01/06/2016, chị H yêu cầu C viết một hợp đồng xin việc với nội dung là C đã nhận của chị H tổng cộng 38.000 000 đồng và đến ngày 20/06/2016 nếu C không xin được việc làm cho chị H thì phải hoàn trả số tiền trên cho chị H. Sau thời gian chờ không thấy có quyết định đi làm, chị H đã nhiều lần gọi điện thoại, nhắn tin cho C nhưng không thấy C trả lời nên chị H đã làm đơn tố cáo đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Đà Lạt, tại Cơ quan điều tra C đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình như đã nêu trên.

Người bị hại chị Kim Thị H, sinh năm 1990, HKTT: Thôn D, xã Đ, huyện C, tỉnh Lâm Đồng bị chiếm đoạt số tiền 38.000.000 đồng.

Tang vật thu giữ của chị Kim Thị H: 01 hợp đồng xin việc viết tay; 03 giấy tờ chuyển tiền bản photo (theo biên bản thu giữ tang vật ngày 15/6/2018)

Cáo trạng số 157/CT-VKS ngày 12/10/2018, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng truy tố bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 điều 139 của Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên toà hôm nay, bị cáo Phan Văn C khai nhận đã thực hiện các hành vi như đã nêu tại bản cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng đã truy tố đối với bị cáo. Bị cáo không thắc mắc gì về nội dung bản cáo trạng cũng như hành vi gì của các cơ quan tiến hành tố tụng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng trình bày luận tội đối với các bị cáo Phan Văn C: Đối chiếu với lời khai nhận tội của bị cáo Phan Văn C tại phiên toà phù hợp với lời khai của người bị hại, nhân chứng tại phiên toà, tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án đã có đủ cơ sở xác định hành vi của bị cáo Phan Văn C thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009 nên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng giữ nguyên Quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Phan Văn C phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009. Quá trình điều tra bị cáo thành khẩn khai báo đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, qui định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999. Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 139, điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 xử phạt bị cáo 18 đến 24 tháng tù. Áp dụng Điều 51 Bộ luật hình sự năm 1999, tổng hợp hình phạt buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của bản án số: 06/2018/HSST ngày 11/04/2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Lâm Đồng xử phạt Phan Văn C 42 tháng tù về tội “ Lừa đảo chiếm đoạt tài sản ”. Áp dụng điều Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự: Buộc bị cáo bồi thường cho chị Kim Thị H số tiền 38.000.000đ.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thấy hành vi mà bị cáo thực hiện là sai trái, đã vi phạm pháp luật, làm ảnh hưởng đến trật tự xã hội, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để sớm trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên toà người bị hại xin xét xử vắng mặt, xét thấy người bị hại có bản khai tại hồ sơ, sự vắng mặt không ảnh hưởng đến kết quả xét xử nên xử vắng mặt theo luật định.

[2] Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Đà Lạt, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, người bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Căn cứ đơn tố cáo của chị Kim Thị H lên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Đà Lạt và lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác, và các tài liệu chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở xác định: Mặc dù Phan Văn C không có khả năng xin việc làm tại Tổng công ty điện lực N nhưng để có tiền tiêu xài Phan Văn C đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của người khác nên Phan Văn C tự giới thiệu với ông N là mình có khả năng xin được việc làm, nên ông N có giới thiệu cho cháu là Kim Thị H liên hệ với C để xin việc làm. Ngày 11/01/2016, chị H lên Đà Lạt gặp Phan Văn C tại nhà của C, tại đây C có nói với chị H chi phí xin vào làm kế toán ở Tổng công ty điện lực N là 100.000.000 đồng, chị H tin tưởng đã giao 20.000.000 đồng cho C tại nhà của C. Sau đó nhiều lần C điện thoại cho chị H nói cần chi phí để đi thành phố H lo việc cho chị H nên chị H tiếp tục chuyển khoản cho Phan Văn C qua tài khoản ngân hàng V của C với tài khoản 711A03475883 nhiều lần với số tiền 18.000.000, sau khi nhận được tài sản. C đã tiêu xài cá nhân hết. Ngày 01/06/2016, chị H yêu cầu Phan Văn C viết một hợp đồng xin việc với nội dung là Phan Văn C đã nhận của chị H tổng cộng 38.000 000 đồng và đến ngày 20/06/2016 nếu C không xin được việc làm cho chị H thì phải hoàn trả số tiền trên cho chị H.

[4] Hành vi của bị cáo Phan Văn C thực hiện đã phạm tội “ Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 139 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng truy tố bị cáo về tội “ Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là có căn cứ, đúng pháp luật.

Điều 139: Tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản qui định “ 1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng, hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản chưa được xóa án tích mà còn vi phạm thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm”....

[5] Căn cứ vào hành vi phạm tội của bị cáo, đối chiếu với điều luật . Xét hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản mà bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội bởi lẽ bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự; bị cáo nhận thức được việc dùng thủ đoạn đưa thông tin sai trái làm cho chủ sở hữu tài sản tin là sự thật, tự nguyện đưa tài sản cho bị cáo nhằm chiếm đoạt là vi phạm pháp luật, nhưng vì mục đích tư lợi vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của bị cáo không những xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ mà còn gây ảnh hưởng đến đến tình hình trật tự, an toàn tại địa phương. Vì vậy cần phải xử lý các bị cáo thật nghiêm mới có tác dụng phòng ngừa chung và giáo dục riêng.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Xét thấy trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo nên áp dụng điểm điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi bổ sung năm 2009) là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

[7] Về nhân thân: bị cáo nhiều lần thực hiện hành vi lừa đảo hiện đã bị Tòa án Huyện C, tỉnh Lâm Đồng xử phạt 42 tháng tù, đang thi hành án nên cũng cần phải xem xét khi lượng hình phạt đối với bị cáo.

[8] Căn cứ các qui định của Bộ luật Hình sự, cân nhắc nhân thân, tính chất mức độ hành vi của các bị cáo thực hiện, nên áp dụng hình phạt tù có thời hạn để xử phạt bị cáo. Tổng hợp hình phạt của bản án buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của bản án số: 06/2018/HSST ngày 11/04/2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Lâm Đồng xử phạt Phan Văn C 42 tháng tù về tội “ Lừa đảo chiếm đoạt tài sản ”.

[9] Về vật chứng: Căn cứ biên bản thu giữ đồ vật tài liệu và biên bản giao nhận vật chứng ngày 15/6/2018 của cơ quan điều tra Công an thành phố Đ thu giữ của chị Kim Thị H: 01 hợp đồng xin việc viết tay; 03 giấy tờ chuyển tiền bản photo. (BL: 30a). Xét thấy đây là vật chứng liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo, lưu tại hồ sơ nên tiếp tục tiếp tục lưu tại hồ sơ vụ án.

[10] Về trách nhiệm dân sự: Chị Kim Thị H yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 38.000.000đ, xét thấy đây là tài sản bị cáo chiếm đoạt của chị H, nên yêu cầu của chị H là có căn cứ, buộc bị cáo phải trả lại cho chị H số tiền đã chiếm đoạt.

[11] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Phan Văn C phạm tội “ Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 139, điểm p khoản 1 Điều 46, Điều 33, Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009

Xử phạt bị cáo 15 (mười lăm) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung với bản án số: 06/2018/HSST ngày 11/04/2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Lâm Đồng xử phạt Phan Văn C 42 tháng tù về tội “ Lừa đảo chiếm đoạt tài sản ”, hình phạt của cả hai bản án là 57(năm mươi bảy) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 16/11/2017.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Buộc bị cáo phải hoàn trả cho chị Kim Thị H số tiền 38.000.000đ(ba mươi tám triệu đồng).

4.Về nghĩa vụ thi hành án dân sự: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày chị H có đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bị cáo còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự

5. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 1.900.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo: Bị cáo, có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại chị Kim Thị H vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định./.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKS TP. Đ;
- Công an TP. Đ;
- THA TP. Đ;
- Sở tư pháp Lâm Đồng;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- BP theo dõi THA phạt tù;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**
(Đã ký tên và đóng dấu)

Đoàn Thị Tuyết Nga

